

Số: /TB-ĐHBK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

Căn cứ QĐ số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04/02/2021 của Đại học Quốc gia Tp. HCM về việc ban hành "Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ", quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06/01/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tuyển sinh số 113/QĐ-ĐHQG;

Căn cứ Đề án tuyển sinh sau đại học năm 2025 của Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh xin trân trọng thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025 như sau:

1. Điều kiện tuyển sinh

1.1. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

1.2. Điều kiện văn bằng

– Người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ thạc sĩ, người tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10) ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ tương đương trở lên phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

– Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ.

– Có năng lực ngoại ngữ được trình bày ở Phụ lục 1.

1.3. Bài luận về hướng nghiên cứu

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu.

Bài luận được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4.

1.4. Cán bộ hướng dẫn

– Được tối thiểu 01 giảng viên của Trường ĐHBK đồng ý nhận hướng dẫn.

- Người hướng dẫn độc lập có chức danh phó giáo sư trở lên hay học vị tiến sĩ khoa học hoặc hai nhà khoa học có học vị tiến sĩ đồng hướng dẫn (danh sách cán bộ khoa học và hướng nghiên cứu được công bố tại website: <http://www.pgs.hcmut.edu.vn/gioi-thieu/doi-ngu-dao-tao>).

1.5. Xét tuyển Dự bị tiến sĩ

Người dự tuyển chưa đáp ứng các quy định về bài báo, ngoại ngữ của xét tuyển trình độ tiến sĩ có thể nộp hồ sơ xin đăng ký học dự bị tiến sĩ. Trong thời gian tối đa 24 tháng, người học dự bị tiến sĩ có thể hoàn thiện, bổ sung các điều kiện dự tuyển theo quy định để được xét tuyển trình độ tiến sĩ.

2. Hồ sơ dự tuyển, thời gian xét tuyển, lệ phí dự tuyển

2.1. Hồ sơ dự tuyển:

- Ứng viên đăng ký xét tuyển trực tuyến tại Cổng thông tin đào tạo sau đại học của Trường theo địa chỉ:

http://grad.hcmut.edu.vn/hv/dang_ky_thi_sau_dai_hoc.php?type=cts

- Sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến, người dự tuyển nộp hồ sơ dự thi bao gồm 02 bộ (01 bộ chính và 01 bộ photo).

a. 02 bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ

b. 02 bản sao bằng tốt nghiệp ĐH, 02 bản sao công chứng bằng điểm ĐH;

c. 02 bản sao công chứng bằng Thạc sĩ, 02 bản sao công chứng bằng điểm Cao học;

Nếu văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ ở nước ngoài phải có bản dịch thuật sang tiếng Việt và có giấy chứng nhận của “Cục quản lý chất lượng” (hướng dẫn quy trình công nhận văn bằng nước ngoài được trình bày tại Phụ lục 3).

d. Bảng điểm các môn học bổ túc kiến thức hoặc chuyển đổi (nếu có);

e. Phiếu đăng ký xét tuyển (in từ hệ thống), Lý lịch khoa học (in từ hệ thống, có đóng dấu xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác - 01 bản gốc và 01 bản photo), 04 ảnh (3 x 4);

f. Phiếu khám sức khỏe (bản gốc hoặc photo công chứng); Giấy chứng nhận thuộc đối tượng chính sách (nếu có);

g. 04 bộ bài luận về hướng nghiên cứu.

h. Minh chứng công trình, bài báo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu;

i. Giấy cam kết thực hiện quy định học tập – nghiên cứu của NCS;

j. 02 Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động

chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

k. Giấy chấp thuận đào tạo NCS của cán bộ dự kiến hướng dẫn NCS; Bộ môn/ Phòng thí nghiệm đào tạo; Khoa quản lý ngành đào tạo.

Ghi chú: ứng viên đăng ký xét tuyển Dự bị tiến sĩ cần nộp các mục từ a đến g (không yêu cầu nộp chứng chỉ ngoại ngữ).

2.2. Lệ phí xét tuyển:

- Xét tuyển tiến sĩ: 2.000.000 đồng/ hồ sơ
- Dự bị tiến sĩ: 1.000.000 đồng/ hồ sơ

2.3. Hạn nhận hồ sơ xét tuyển:

- Lần 1: 28/03/2025
- Lần 2: 13/06/2025
- Lần 3: 15/08/2025
- Lần 4: 31/10/2025

3. Hình thức, thời gian đào tạo, học phí

3.1. Hình thức đào tạo:

Hình thức đào tạo: chính quy. Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại nhà trường theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Nghiên cứu sinh phải tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy tại Bộ môn đào tạo. Nội dung giảng dạy do Trưởng Bộ môn phân công. Việc tham gia giảng dạy và hoạt động nghiên cứu khoa học tại Bộ môn là một trong những nội dung báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh.

3.2. Chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo tiến sĩ có khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Cấu trúc chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3.3. Học phí:

Nghiên cứu sinh, dự bị tiến sĩ sẽ đóng học phí theo học kỳ, mức thu là 28.500.000 đồng/ học kỳ.

Nhà Trường sẽ có thông báo mức thu học phí cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ.

4. Quy định khác

Văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận đạt chuẩn đầu vào trình độ tiến sĩ được trình bày ở Phụ lục 1.

Danh mục ngành đào tạo trình độ tiến sĩ được trình bày tại Phụ lục 2.

Tiêu chí đánh giá xét tuyển trình độ tiến sĩ được trình bày tại Phụ lục 3.

Danh mục ngành đúng, ngành gần vui lòng tham khảo tại Cổng thông tin đào tạo sau đại học của Trường theo địa chỉ: <http://pgs.hcmut.edu.vn>.

Để biết thêm chi tiết vui lòng xem thông báo tại địa chỉ:

*Phòng Đào tạo SDH (P.115, nhà B3) Trường Đại học Bách Khoa
268 Lý Thường Kiệt, P. 14, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh. ĐT: 028-38637318*

Email: sdh@hcmut.edu.vn. Website: <http://www.pgs.hcmut.edu.vn>

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Thông tin trên Web;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thiên Phúc

PHỤ LỤC 1
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, CHỨNG NHẬN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2

(Kèm thông báo số: /ĐHBK-ĐTSDH ngày tháng năm 2025)
(Cập nhật theo Quyết định 21/QĐ-ĐHQG ngày 06 tháng 01 năm 2023
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Chứng chỉ hoặc chứng nhận được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 3/6 (tương đương B1 theo CEFR) đối với trình độ thạc sĩ; đạt tối thiểu đạt bậc 4/6 (tương đương B2 theo CEFR) đối với trình độ tiến sĩ trong thời hạn 02 năm từ ngày tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM cho phép/công nhận.

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

1. Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)
Bậc 3	4.5	460 ITP 40 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140 B1 Linguaskill: 140	B1 (General)
Bậc 4	5.5	46 iBT		B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160 B2 Linguaskill: 160	B2 (General)

2. Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 3	TPKI-1	DELFB1	Goethe-Zertifikat B1,	HSK	JLPT N4	TOPIK II

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
		TCF B1	TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	Bậc 3	NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	(Bậc 3)
Bậc 4	TPKI-2	DELF B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4, ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N3 NAT-TEST2Q(100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

II. Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của ĐHQG-HCM

1. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1	Educational Testing Service (ETS)		x	x		
2	British Council (BC)	x				x
3	International Development Program (IDP)	x				
4	Cambridge ESOL	x			x	

2. Một số ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Ngoại ngữ					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
1	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	x					
2	Bộ Giáo dục Pháp		x				
3	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			x			
4	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				x		
5	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co., Ltd (NAT-TEST);					x	

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Ngoại ngữ					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
	Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)						
6	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						x

2. Các trường hợp khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đề án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các CSĐT cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học.

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM công nhận (VSTEP). Các chứng chỉ này có thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng, có bằng tốt nghiệp các chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh không qua phiên dịch được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đơn vị được tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt gồm: các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài) hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Phụ lục 2. DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm thông báo số: /ĐHBK-ĐTSDH ngày tháng năm 2025)

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành
1.	9340101	Quản Trị Kinh Doanh	Quản lý công nghiệp
2.	9420201	Công Nghệ Sinh Học	Kỹ thuật hóa học
3.	9440201	Địa chất học	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
4.	9440214	Bản Đồ, Viễn Thám Và Hệ Thống Thông Tin Địa Lý	Kỹ thuật xây dựng
5.	9460112	Toán ứng dụng	Khoa học ứng dụng
6.	9480101	Khoa Học Máy Tính	Khoa học & Kỹ thuật máy tính
7.	9520101	Cơ Kỹ Thuật	Khoa học ứng dụng
8.	9520103	Kỹ Thuật Cơ Khí	Cơ khí
9.	9520115	Kỹ Thuật Nhiệt	Cơ khí
10.	9520116	Kỹ Thuật Cơ Khí Động Lực	Kỹ thuật giao thông
11.	9520201	Kỹ Thuật Điện	Điện – Điện tử
12.	9520203	Kỹ Thuật Điện Tử	Điện – Điện tử
13.	9520208	Kỹ Thuật Viễn Thông	Điện – Điện tử
14.	9520216	Kỹ Thuật Điều Khiển Và Tự Động Hóa	Điện – Điện tử
15.	9520301	Kỹ Thuật Hóa Học	Kỹ thuật hóa học
16.	9520305	Kỹ Thuật Hóa Dầu và Lọc dầu	Kỹ thuật hóa học
17.	9520309	Kỹ Thuật Vật Liệu	Công nghệ vật liệu
18.	9520320	Kỹ Thuật Môi Trường	Môi trường và Tài nguyên
19.	9520401	Vật Lý Kỹ Thuật	Khoa học ứng dụng
20.	9520501	Kỹ Thuật Địa Chất	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
21.	9520503	Kỹ Thuật Trắc Địa - Bản Đồ	Kỹ thuật xây dựng
22.	9520604	Kỹ Thuật Dầu Khí	Kỹ thuật Địa chất – Dầu khí
23.	9540101	Công Nghệ Thực Phẩm	Kỹ thuật hóa học
24.	9580201	Kỹ Thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
25.	9580202	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Thủy	Kỹ thuật xây dựng
26.	9580204	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Ngầm	Kỹ thuật xây dựng
27.	9580205	Kỹ Thuật Xây Dựng Công Trình Giao Thông	Kỹ thuật xây dựng
28.	9580211	Địa kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã số	Tên ngành	Khoa quản lý ngành
29.	9580212	Kỹ Thuật Tài Nguyên Nước	Kỹ thuật xây dựng
30.	9580302	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
31.	9850101	Quản Lý Tài Nguyên Và Môi Trường	Môi trường và Tài nguyên
32.	9540204	Công nghệ dệt, may	Cơ khí

Tổng cộng có 32 ngành đào tạo tiến sĩ./

Phụ lục 3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm thông báo số: /ĐHBK-ĐTSDH ngày tháng năm 2025)

Tiểu ban chuyên môn xét tuyển trình độ tiến sĩ gồm 02 bước:

1. Tiểu ban chuyên môn xét sơ tuyển hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích, công trình nghiên cứu khoa học đã có của thí sinh; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về vấn đề nghiên cứu;
2. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp thí sinh để đánh giá người dự tuyển về tư chất cần có của một nghiên cứu sinh; ý nghĩa khoa học, thực tiễn và tính khả thi của bài luận nghiên cứu, về ý kiến nhận xét đánh giá của hai thư giới thiệu, vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển có phù hợp với ngành đào tạo, ...

Điểm được đánh giá trên thang điểm 10 gồm những tiêu chí sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ	1.0	
2	Khả năng ngoại ngữ	0.5	
3	Thành tích nghiên cứu khoa học, kinh nghiệm chuyên môn	2.0	
4	Nhận xét về năng lực chuyên môn của các nhà khoa học	0.5	
5	Các tố chất cần có của nghiên cứu sinh	2.0	
6	Bài luận về hướng nghiên cứu	4.0	
	<i>6a. Nhận xét về nội dung bài luận (thực tiễn và tính khả thi của bài luận, vấn đề dự định nghiên cứu có phù hợp với ngành đào tạo, nhận xét đánh giá của thư giới thiệu, ...)</i>	2	
	<i>6b. Trình độ chuyên môn của thí sinh thể hiện qua trình bày bài luận, trả lời câu hỏi về đề cương và câu hỏi kiểm tra kiến thức ngành</i>	2	
7	Tổng điểm đánh giá (thang điểm 10)		